

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 298/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02/10/2018.

V/v : “ ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đình Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Hoàng Vũ.

+ Ông Nguyễn Phước Nhật.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Núi Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Việt Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 02/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 165/2018/HNGĐ-ST ngày 13/6/2018, về “*ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/8/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1982;

- Bị đơn: Anh Ngô Quang V, sinh năm: 1979,

Cùng trú tại: Thôn A, xã Tam Q, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Chị T có mặt, anh V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 04/6/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Chị T và anh V tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2004. Đến năm 2011 do có mâu thuẫn và vợ chồng thuận tình ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện Núi Thành công nhận thuận tình ly hôn. Do thương con nên chị T và anh V đăng ký kết lại trong năm 2011. Tuy nhiên chung sống với nhau đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được. Nguyên nhân mâu do anh V thường xuyên rượu chè say xỉn về đánh đập chị T. Nay tình cảm vợ chồng đã hết, chị T

làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh V.

Về con chung có hai con, gồm: Ngô Quang T, sinh năm: 2006; Ngô Quang N, sinh năm: 2014. Nếu ly hôn chị T yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

Bị đơn anh Việt không đến Tòa án nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của chị Trịnh kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật; riêng anh V không chấp hành tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án là vi phạm quy định của pháp luật. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh V; về con chung giao cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Q và cháu N, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung không có; nợ chung và cho mượn nợ không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Ngô Quang V có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã Tam Q, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam và có mặt tại địa phương. Tuy nhiên do anh V không có ở nhà tại thời điểm giao nhận các văn bản tố tụng, cũng không có người thân thích khác ở cùng nhà nên tòa án không thể giao nhận trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh V. Do vậy, tòa án nhân dân huyện Núi Thành đã tiến hành thủ tục niêm yết cho anh V quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cũng như quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh V vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên vụ án vẫn được xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh V tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn lần đầu tại UBND xã Tam Q vào năm 2004; do mâu thuẫn nên anh chị đã ly hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Quang, huyện Núi Thành lần thứ hai vào tháng 8/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V là hợp pháp.

Do trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn không thể khắc phục được nên chị T làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập các bên đến hòa giải mong hai bên khắc phục mâu thuẫn quay về đoàn tụ xây dựng gia đình nhưng anh V không đến Tòa để hòa giải. Xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh V nếu kéo dài cũng

không đạt được mục đích, không hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu của chị T cho ly hôn với anh V là phù hợp với quy định của pháp luật.

Con chung có hai con gồm: Ngô Quang T, sinh năm: 2006; Ngô Quang N, sinh năm: 2014. Xét thấy chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi cả hai con, anh V không đến Tòa án để trình bày về quan điểm của mình. Cháu T có nguyện vọng được ở với chị T để đảm bảo điều kiện chăm sóc ăn học, cháu Nghĩa còn nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp của mẹ nên xét giao cháu T và cháu N cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên đủ 18 tuổi. Chị T không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nên anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

(3) Án phí HN&GD sơ thẩm chị T phải nộp 300.000đ được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp trước tại Chi cục thi hành án Núi Thành theo biên lai thu số 0002045 ngày 13/6/2018.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Quang V.

2. Về con chung: giao con chung Ngô Quang T, sinh ngày 06/9/2006; Ngô Quang N, sinh ngày: 21/6/2014 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên đủ 18 tuổi. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

6. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp trước tại Chi cục thi hành án Núi Thành theo biên lai thu số 0002045 ngày 13/6/2018.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bên đương sự biết, chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát;
- Tòa án tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- UBND xã Tam Q;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Đình Dũng